TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2019/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 11 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:17/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Phạm Quốc T**.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thuý N và anh Phạm Quốc T có hai con chung là các cháu Phạm Thị H, sinh ngày 14/01/2012 và Phạm Thị Thuý H1, sinh ngày 16/02/2014. Anh T và chị N thoả thuận giao cháu Phạm Thị Thuý H1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Thị H cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thuý N và anh Phạm Quốc T thoả thuận, anh T cấp dưỡng nuôi cháu H1 2.000.000 đồng/tháng *(hai triệu đồng/tháng)* Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 15/02/2019. Chị N được nhận số tiền này để nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2.2.Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ *(một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ *(một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Chị Nguyễn Thị Thuý N và anh Phạm Quốc T thoả thuận, chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con tổng cộng là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0007729, ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Thuý N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (02 bản);
- VKSND huyện S (02 bản);
-TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- UBND thị trấn S (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản);

THẨM PHÁN

Võ Văn Quảng